

Trường Tiểu Học Finley

Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học năm 2023-2024 (Công bố trong năm học 2024-2025)



Thông tin chung về Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (SARC)

Tổng quan về SARC



Theo luật của tiểu bang, trước ngày 1 tháng 2 hàng năm, mọi trường học ở California đều phải công bố Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (SARC). SARC bao gồm các thông tin về tình trạng và thành tích của từng trường công lập tại California. Theo Danh Mục Kiểm Soát Tài Chính Địa Phương (LCFF), tất cả các cơ quan giáo dục địa phương (LEA) đều phải lập Kế Hoạch Tự Chủ và Trách Nhiệm Giải Trình của Địa Phương (LCAP), trong đó mô tả cách họ dự định đạt được các mục tiêu cụ thể hằng năm của trường học cho tất cả học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của tiểu bang và địa phương. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

- Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và quyền truy cập các báo cáo của những năm trước, vui lòng tham khảo trang web SARC của Cơ Quan Giáo Dục California (CDE) tại địa chỉ <https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.
- Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, vui lòng truy cập trang web LCFF của CDE tại <https://www.cde.ca.gov/fq/aa/lc/>.
- Để biết thêm thông tin về trường học, phụ huynh/người giám hộ và thành viên cộng đồng nên liên hệ với hiệu trưởng trường học hoặc văn phòng khu học chánh.

Quý vị có thể yêu cầu nhận bản cứng Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học tại Văn Phòng Trường.

DataQuest



DataQuest là một công cụ dữ liệu trực tuyến tích hợp trên trang web DataQuest của CDE tại địa chỉ <https://dq.cde.ca.gov/dataquest/>, bao gồm thông tin bổ sung về trường học này và thông tin so sánh giữa trường với khu học chánh và quận. Cụ thể, DataQuest là một hệ thống động cung cấp các báo cáo về trách nhiệm giải trình (ví dụ: dữ liệu khảo thí, tuyển sinh, học sinh tốt nghiệp trung học, bỏ học, số lượng ghi danh khóa học, nhân sự và dữ liệu liên quan đến người học tiếng Anh).

Bảng Thông Tin Trường Học Tiểu Bang California



Bảng Thông Tin Trường Học Tiểu Bang California (Bảng Thông Tin) <https://www.caschooldashboard.org/> phản ánh hệ thống cải tiến liên tục và trách nhiệm giải trình mới của California và cung cấp thông tin về cách các LEA và trường học đáp ứng nhu cầu của các nhóm học sinh đa dạng tại California. Bảng Thông Tin chứa các báo cáo hiển thị thành tích hoạt động của LEA, trường học và nhóm học sinh theo một loạt các thước đo của tiểu bang và địa phương để hỗ trợ xác định điểm mạnh, thách thức và lĩnh vực cần cải thiện.

Truy cập Internet

Có thể truy cập Internet tại các thư viện công cộng và những địa điểm khác mà công chúng có thể truy cập (ví dụ: Thư Viện Tiểu Bang California). Việc truy cập Internet tại các thư viện và địa điểm công cộng thường được thực hiện theo nguyên tắc ai đến trước được phục vụ trước. Các hạn chế sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, thời gian sử dụng máy trạm (tùy theo tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm có sẵn trên máy trạm và khả năng in tài liệu.

Yêu Cầu Tuyển Sinh vào Đại Học California (UC)	Yêu cầu tuyển sinh vào UC tuân theo các hướng dẫn nêu trong Kế Hoạch Chung, trong đó yêu cầu một phần tám số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông của tiểu bang, cũng như những học sinh chuyển trường đã hoàn thành các khóa học đại học cụ thể, đủ điều kiện được tuyển sinh vào UC. Những yêu cầu này được thiết kế nhằm đảm bảo tất cả học sinh đủ điều kiện đều được chuẩn bị đầy đủ cho chương trình học ở bậc Đại học. Để biết các yêu cầu tuyển sinh chung, vui lòng truy cập trang web Thông Tin Tuyển Sinh của UC tại địa chỉ https://admission.universityofcalifornia.edu/ .
Yêu Cầu Tuyển Sinh vào Đại Học Tiểu Bang California (CSU)	Điều kiện để được nhận vào CSU được xác định bởi ba yếu tố: (1) Các khóa học cụ thể ở trường trung học, (2) Điểm số ở các khóa học cụ thể và điểm thi, và (3) Tốt nghiệp trung học. Một số trường có tiêu chuẩn cao hơn cho các chuyên ngành cụ thể hoặc học sinh cư trú bên ngoài khu vực trường. Do số lượng học sinh nộp đơn nhiều nên một số trường có tiêu chuẩn cao hơn (tiêu chuẩn tuyển sinh bổ sung) cho tất cả các ứng viên. Hầu hết các cơ sở CSU đều có chính sách đảm bảo tuyển sinh tại địa phương cho học sinh tốt nghiệp hoặc chuyển tiếp từ các trường trung học và cao đẳng có lịch sử liên kết với cơ sở CSU trong khu vực đó. Để biết thông tin về tuyển sinh, cách nộp đơn và lệ phí, vui lòng tham khảo trang web CSU tại địa chỉ https://www2.calstate.edu/ .

Thông tin liên lạc của Trường năm học 2024-25

Tên Trường học	Trường Tiểu Học Finley
Đường phố	13521 Edwards Street
Thành phố, Tiểu bang, Mã bưu chính	Westminster, CA 92683
Số điện thoại	(714) 895-7764
Hiệu Trường	Pamella LeMueix
Địa chỉ email	plemueix@wsdk8.us
Trang web của Trường	finley.wsdk8.us
Phạm vi cấp lớp	K-5
Mã Quận-Khu Học Chánh-Trường (SDE)	30667466030753

Thông tin liên lạc của Khu học chánh 2024-25

Tên Khu học chánh	Khu Học Chánh Westminster
Số điện thoại	(714) 894-7311
Giám Đốc Khu Học Chánh	Dr. Gunn Marie Hansen
Địa chỉ email	Cherylsosa@wsdk8.us
Trang web của Khu học chánh	wsdk8.us

Mô Tả và Tuyên Bố Sứ Mệnh của Trường năm học 2024-25

<p>Tuyên Bố Sứ Mệnh của Trường Finley "Tại Finley, chúng tôi thực hành nguyên tắc tôn trọng, trách nhiệm và an toàn đồng thời cung cấp cho tất cả học sinh những công cụ cần thiết để thành công."</p> <p>Tuyên Bố Tầm Nhìn của Trường Finley "Chuẩn bị những kỹ năng thành công trong tương lai cho học sinh, bằng cách khơi dậy niềm đam mê học tập trong khi phát triển tư duy phản biện, khả năng sáng tạo và nuôi dưỡng sự tự tin theo cách thú vị và tạo động lực để học sinh phát triển các kỹ năng và tư duy để trở thành những nhà lãnh đạo có đóng góp cho xã hội toàn cầu."</p> <p>Thông điệp của Hiệu Trường Chào mừng quý vị đến với Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình Thường Niên của Trường Finley và cảm ơn quý vị đã dành thời gian tìm hiểu! Trường Tiểu Học Finley có lịch sử lâu đời về thành tích học tập xuất sắc với đội ngũ nhân viên tận tụy và hiểu biết, luôn đam mê theo</p>

Mô Tả và Tuyên Bố Sứ Mệnh của Trường năm học 2024-25

đuổi thành công cho cộng đồng học sinh đa dạng của trường. Với sứ mệnh này, chúng tôi không ngừng tìm kiếm các phương pháp để mang đến cho học sinh nền giáo dục tốt giúp các em chuẩn bị sẵn sàng cho thế giới ngày nay và xa hơn nữa. Trong năm qua, chúng tôi rất vinh dự được công nhận là Trường Chuyên Khoa Khoa Học Máy Tính đầu tiên và toàn bộ chương trình giảng dạy, lớp học cũng như khuôn viên trường đã có sự chuyển đổi mang tính đột phá. Mục tiêu của chúng tôi là Thành Tích Cao cho Tất Cả Học Sinh Finley. Chúng tôi tin rằng tất cả học sinh đều xứng đáng được học tập trong một môi trường an toàn và được hỗ trợ thông qua chương trình Can Thiệp và Hỗ Trợ Hành Vi Tích Cực (PBIS) và Học Tập Thế Kỷ 21 trên toàn trường. Với việc tích hợp công nghệ trên toàn trường thông qua việc sử dụng Chromebook 1:1 ở tất cả các khối lớp (Mẫu giáo chuyển tiếp - Lớp 5), tiếp cận Phòng Thí Nghiệm Đổi Mới dành cho khối lớp trên và khối lớp dưới, hợp tác với Nhóm STEM của Cơ Quan Giáo Dục Quận Orange và sự hỗ trợ của Điều Phối Viên STEM tại trường của OCDE, trường chúng tôi đang đi đầu trong việc sử dụng các nguồn lực để đảm bảo học sinh có kỹ năng đọc viết toàn diện, trở thành nhà toán học có năng lực, có các kỹ năng học thuật và cá nhân để trở thành công dân có đạo đức và có trách nhiệm.

Tại Finley, học sinh, nhân viên và phụ huynh hợp tác với nhau như những thành viên của cộng đồng học tập chuyên nghiệp để giải quyết nhu cầu toàn diện của trẻ. Bằng cách chuyển từ ngẫu nhiên sang có chủ đích, đội ngũ nhân viên sẽ hợp tác với học sinh và phụ huynh để xây dựng các tài sản trong trường thông qua PBIS và mô hình Thiết Kế Tiếp Thu Ngôn Ngữ Có Định Hướng (GLAD). Học sinh tham gia nhiều hoạt động đa dạng như học kèm cùng bạn đồng trang lứa, học kèm khác độ tuổi và đôi bạn cùng đọc (học sinh khối lớp trên và tiểu học) để thúc đẩy ý thức cộng đồng trong toàn thể học sinh. Tất cả học sinh đều tham gia chương trình Phát Triển Tính Cách BOLD của Khu Học Chánh, chương trình này tôn vinh một đặc điểm tính cách cụ thể trong mỗi tháng. Nhiều học sinh tham gia chương trình ASES PRIDE sau giờ học được tài trợ thông qua đạo luật 49 dành cho bậc Mẫu Giáo Chuyển Tiếp - Lớp 5. Chương trình ASES PRIDE là chương trình sau giờ học tích hợp bao gồm các hoạt động thể thao, bồi dưỡng và hỗ trợ làm bài tập về nhà. Chương trình ESP của chúng tôi cung cấp dịch vụ giữ trẻ trước và sau giờ học cho học sinh Mẫu giáo chuyển tiếp và Mẫu giáo.

Chúng tôi tiếp tục duy trì cam kết với học sinh, phụ huynh, cộng đồng và nhân viên nhằm mang lại trải nghiệm giáo dục tốt nhất có thể. Đây là thời điểm tuyệt vời để trở thành một Finley Eagle, nơi chúng tôi luôn giữ đúng phương châm của mình: Trao Quyền Nhờ Đổi Mới Sáng Tạo.

Hồ Sơ Cộng Đồng & Trường Học

Khu Học Chánh Westminster tọa lạc tại thành phố Westminster, California, cách Los Angeles 35 dặm về phía đông nam, thuộc Quận Orange xinh đẹp. Các cơ hội bất động sản, doanh nghiệp tư nhân, công ty tiếp thị và nhiều tổ chức thuộc khu vực tư nhân và khu vực công đều đóng góp không nhỏ cho nền kinh tế địa phương. Khu học chánh phục vụ các lớp từ Mẫu giáo chuyển tiếp đến lớp tám trong khu vực Westminster cũng như các cộng đồng lân cận là Garden Grove, Huntington Beach và Midway City. Khu học chánh bao gồm bảy trường tiểu học từ Mẫu giáo - Lớp 5, sáu trường tiểu học từ Mẫu giáo - Lớp 6 và ba trường sơ trung. Trường Tiểu Học Finley hoạt động theo lịch học truyền thống với 317 học sinh nhập học vào đầu năm học 2024-2025.

Giới thiệu Trường

Tuyển sinh năm 2023-24 theo từng khối lớp

Khối lớp	Số lượng học sinh
Mẫu Giáo	81
Lớp 1	38
Lớp 2	50
Lớp 3	42
Lớp 4	63
Lớp 5	49
Tổng tuyển sinh	323

Tuyển sinh năm 2023-24 theo nhóm học sinh

Nhóm học sinh	Phần trăm tổng tuyển sinh
Nữ	46.1
Nam	53.9
Người gốc Á	23.5
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	1.5
Người gốc Philippines	1.5
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	64.4

Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	1.2
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	1.9
Người Da Trắng	4.3
Người Học Tiếng Anh	40.9
Học sinh vô gia cư	6.8
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	81.4
Học sinh khuyết tật	16.4

A. Điều kiện học tập

Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản (Ưu tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công phù hợp và có đầy đủ chứng chỉ trong lĩnh vực môn học và đối tượng học sinh mà họ giảng dạy;
- Học sinh có quyền tiếp cận các tài liệu giảng dạy phù hợp với tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được bảo trì tốt.

Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2020-21

Ủy quyền/Phân công	Trường học Số	Trường học Phần trăm	Khu học chánh Số	Khu học chánh Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	18.50	100.00	361.60	88.06	228366.10	83.12
Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	0.00	0.00	0.00	0.00	4205.90	1.53
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai ("không hiệu quả" theo ESSA)	0.00	0.00	17.00	4.14	11216.70	4.08
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực ("ngoài lĩnh vực" theo ESSA)	0.00	0.00	0.00	0.00	12115.80	4.41
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	0.00	0.00	32.00	7.79	18854.30	6.86
Tổng số vị trí giảng dạy	18.50	100.00	410.60	100.00	274759.10	100.00

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2021-22

Ủy quyền/Phân công	Trường học Số	Trường học Phần trăm	Khu học chánh Số	Khu học chánh Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	18.50	100.00	378.10	89.28	234405.20	84.00
Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	0.00	0.00	0.00	0.00	4853.00	1.74
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai ("không hiệu quả" theo ESSA)	0.00	0.00	14.40	3.41	12001.50	4.30

Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0.00	0.00	0.80	0.20	11953.10	4.28
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	0.00	0.00	30.10	7.11	15831.90	5.67
Tổng số vị trí giảng dạy	18.50	100.00	423.40	100.00	279044.80	100.00

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2022-23

Ủy quyền/Phân công	Trường học Số	Trường học Phần trăm	Khu học chánh Số	Khu học chánh Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	18.50	94.87	378.60	87.29	231142.40	100.00
Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	0.00	0.00	0.00	0.00	5566.40	2.00
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	0.00	0.00	4.10	0.95	14938.30	5.38
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0.00	0.00	14.60	3.38	11746.90	4.23
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	1.00	5.13	36.30	8.38	14303.80	5.15
Tổng số vị trí giảng dạy	19.50	100.00	433.70	100.00	277698	100

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (được coi là “không hiệu quả” theo ESSA)

Ủy quyền/Phân công	2020-21	2021-22	2022-23
Giấy phép và Miễn trừ	0.00	0.00	0
Phân công sai	0.00	0.00	0
Vị trí trống	0.00	0.00	0
Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai	0.00	0.00	0

Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (được coi là “ngoài lĩnh vực” theo ESSA)

Chỉ số	2020-21	2021-22	2022-23
Giáo viên có chứng chỉ được cấp phép hoặc miễn trừ	0.00	0.00	0
Các tùy chọn phân công nội bộ	0.00	0.00	0
Tổng số giáo viên ngoài lĩnh vực	0.00	0.00	0

Phân công lớp học

Chỉ số	2020-21	2021-22	2022-23
Phân công sai cho Người học tiếng Anh	0.00	0	0

(tỷ lệ phần trăm tất cả các lớp học có Người học tiếng Anh được giảng dạy bởi giáo viên được phân công sai)			
Không có bằng cấp, giấy phép hoặc ủy quyền giảng dạy (tỷ lệ phần trăm tất cả các lớp học được giảng dạy bởi các giáo viên không có hồ sơ ủy quyền giảng dạy)	0.00	0	0

Lưu ý: Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo trang web Định Nghĩa về Công Bằng của Giáo Viên được cập nhật tại địa chỉ <https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp>.

Chất lượng, Tính cập nhật, Tính sẵn có của Sách giáo khoa và các tài liệu giảng dạy khác năm 2024-25

Khu Học Chánh Westminster đã tổ chức một buổi điều trần vào ngày 12 tháng 10 năm 2023 và xác định rằng mỗi trường học trong khu học chánh đều có đầy đủ sách giáo khoa, tài liệu giảng dạy hoặc thiết bị phòng thí nghiệm khoa học chất lượng tốt, theo thỏa thuận dân xếp trong vụ Williams kiện Tiểu Bang California. Sách giáo khoa các môn học chính và tài liệu giảng dạy được cung cấp cho mỗi học sinh, bao gồm cả người học tiếng Anh.

Các văn bản và tài liệu theo tiêu chuẩn được dành riêng để sử dụng trong lớp học và mang về nhà. Tất cả sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy sử dụng trong trường đều tuân thủ Khung Chương Trình của Tiểu Bang California, Hội Đồng Giáo Dục Tiểu Bang và Tiêu chuẩn của Khu Học Chánh.

Khu Học Chánh Westminster luôn tích cực trong quy trình lựa chọn tài liệu và sách giáo khoa. Quy trình lựa chọn có sự tham gia của giáo viên, thành viên ban giám hiệu, nhân viên hỗ trợ của khu học chánh và phụ huynh. Khu Học Chánh tuân thủ Chu Kỳ Phê Chuẩn Sách Giáo Khoa của Tiểu Bang California, yêu cầu mọi trường học phải rà soát lại bộ sách giáo khoa ở từng lĩnh vực chương trình giảng dạy theo chu kỳ bảy năm; sách giáo khoa được thay mới theo tỷ lệ một lĩnh vực môn học mỗi năm. Bảng này liệt kê danh sách các sách giáo khoa mới nhất được phê chuẩn trong các lĩnh vực môn học chính của trường tính đến ngày 12 tháng 10 năm 2023.

Năm và tháng dữ liệu được thu thập

Tháng 12 năm 2024

Môn học	Sách giáo khoa và các tài liệu giảng dạy khác/năm áp dụng	Từ lần áp dụng gần đây nhất?	Phần trăm học sinh không có bản sao được giao riêng
Độc/Ngữ văn	McGraw-Hill World of Wonders / 2017 McGraw-Hill World of Wonders, tích hợp ELD (Chương trình 2) / 2017 Scholastic Read 180/System 44 / 2011	Có	0
Toán	McGraw-Hill (My Math) / 2016	Có	0
Khoa Học	McGraw-Hill Inspire Science / 2020	Có	0
Lịch sử-Khoa học xã hội	Pearson My World Social Studies/2023	Có	0
Nghệ thuật thị giác và biểu diễn	McMillan McGraw-Hill (Spotlight on Music California) / 2009	Có	0
Thiết bị phòng thí nghiệm khoa học (lớp 9-12)	Không áp dụng	Không áp dụng	

Lưu ý: Các ô có giá trị Không áp dụng không yêu cầu dữ liệu.

Điều kiện cơ sở vật chất của trường và những cải tiến theo kế hoạch

Trường Tiểu Học Finley mang đến khuôn viên trường an toàn và bảo mật cho học sinh, nhân viên và khách thăm. Biểu đồ thể hiện kết quả thanh tra cơ sở vật chất gần đây nhất do khu học chánh thực hiện vào tháng 9 năm 2022.

Quy Trình và Lịch Biểu Vệ Sinh

Hội đồng quản lý khu học chánh đã áp dụng các tiêu chuẩn vệ sinh cho tất cả các trường học trong khu học chánh. Tất cả các trường đều có lịch vệ sinh định kỳ. Mỗi lớp học đều được quét dọn hoặc hút bụi và đổ rác. Nhà ăn, phòng đa năng và tất cả các phòng vệ sinh đều được dọn dẹp hàng ngày. Sân vườn được cắt tỉa luân phiên, các vấn đề về rác thải, bãi cỏ và hệ thống ống nước được xử lý hàng ngày.

Điều kiện cơ sở vật chất của trường và những cải tiến theo kế hoạch

Bảo Trì và Sửa Chữa

Đội ngũ bảo trì của Khu Học Chánh đảm bảo các sửa chữa cần thiết để trường học luôn trong tình trạng tốt và hoạt động bình thường sẽ được hoàn thành kịp thời. Quy trình lệnh công việc được sử dụng để bảo đảm dịch vụ hiệu quả và công tác sửa chữa khẩn cấp sẽ được ưu tiên cao nhất.

Ngân Sách Bảo Trì Phân Kỳ

Khu Học Chánh tham gia Chương Trình Bảo Trì Phân Kỳ Trường Học của Tiểu Bang, cung cấp nguồn kinh phí đối ứng của tiểu bang theo tỷ lệ một đô la đổi một đô la, để hỗ trợ chi phí sửa chữa lớn hoặc thay thế các thành phần hiện hữu trong tòa nhà trường học cho các khu học chánh. Thông thường bao gồm mái tòa nhà, hệ thống ống nước, sưởi ấm, điều hòa không khí, hệ thống điện, hệ thống sàn và lót đường.

Năm và tháng lập báo cáo FIT gần đây nhất

8/21/2024

Hệ thống đã được kiểm tra	Đánh giá Tốt	Đánh giá Trung bình	Đánh giá Kém	Cần sửa chữa và hành động đã thực hiện hoặc đã lên kế hoạch
Hệ thống: Rò rỉ khí gas, Cơ khí/HVAC, Cống rãnh	X			
Nội thất: Bề mặt nội thất	X			: Phòng học 24-26: Một số ô gạch bị ố màu trong phòng học di động
Độ sạch sẽ: Độ sạch sẽ chung, Sự xâm nhập của sâu bọ	X			
Điện	X			
Nhà vệ sinh/Bồn rửa: Nhà vệ sinh, bồn rửa	X			
An toàn: An toàn cháy nổ, Vật liệu nguy hại	X			
Kết cấu: Hư hỏng về kết cấu, Mái nhà	X			
Ngoại thất: Sân chơi/Sân trường, Cửa sổ/Cửa ra vào/Cống/Hàng rào		X		Sân chơi dành cho Khối lớp trên & Khối lớp dưới: Lốp nhựa đường cần được thay thế, vết nứt cá sấu lớn

Đánh giá chung về cơ sở vật chất

Mẫu mực	Tốt	Trung bình	Kém
	X		

B. Kết quả học tập của học sinh

Ưu tiên của Tiểu bang: Thành tích học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Thành tích của học sinh (Ưu tiên 4):

Bài Đánh Giá Toàn Tiểu Bang

(cụ thể là Hệ Thống Bài Đánh Giá Thành Tích và Tiến Bộ của Học Sinh California [CAASPP] bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced dành cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Bài Đánh Giá Thay Thế California [CAA] dành cho môn ngữ văn Anh/đọc viết [ELA] và toán được tổ chức cho học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một. Chỉ những học sinh đủ điều kiện mới có thể tham gia bài đánh giá CAA. Các mục kiểm tra trong bài đánh giá CAA được liên kết với các tiêu chuẩn thành tích thay thế, có liên quan đến Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] dành cho học sinh có khuyết tật nhận thức nghiêm trọng nhất).

Hệ thống CAASPP bao gồm các bài đánh giá và yêu cầu tham gia của học sinh như sau:

- Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA cho môn ELA** từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một.
- Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA cho môn Toán** từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một.
- Bài Kiểm Tra Khoa Học California (CAST) và CAA về Khoa học** ở lớp năm, lớp tám và một lần ở bậc trung học (tức là lớp mười, lớp mười một hoặc lớp mười hai).

Mức độ sẵn sàng vào Đại học và Đi làm

Tỷ lệ học sinh đã hoàn thành các khóa học đáp ứng được các yêu cầu tuyển sinh vào Đại Học California và Đại Học Tiểu Bang California, hoặc các chương trình hoặc trình tự giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp.

Tỷ lệ học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn của tiểu bang trong CAASPP

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn ELA và Toán cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Kết quả kiểm tra ELA và Toán bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. "Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn" được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Môn học	Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24
Ngữ văn Anh/Đọc viết (lớp 3-8 và 11)	38	35	53	53	46	47
Toán (lớp 3-8 và 11)	26	26	44	45	34	35

Kết quả khảo thí CAASPP năm 2023-24 môn ELA theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn ELA theo nhóm học sinh cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Kết quả kiểm tra ELA bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Lưu ý: Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

(CAASPP) Nhóm học sinh	(CAASPP) Tổng TUYỂN SINH	(CAASPP) Số được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm không được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn
Tất cả học sinh	157	153	97.45	2.55	34.64
Nữ	75	74	98.67	1.33	39.19
Nam	82	79	96.34	3.66	30.38
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0	0	0
Người gốc Á	39	38	97.44	2.56	36.84
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	--	--	--	--	--
Người gốc Philippines	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	95	92	96.84	3.16	26.09
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--	--
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--	--
Người Da Trắng	--	--	--	--	--
Người Học Tiếng Anh	52	50	96.15	3.85	16.00
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0	0	0	0	0
Học sinh vô gia cư	13	12	92.31	7.69	16.67
Quân đội	--	--	--	--	--
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	137	134	97.81	2.19	32.84
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	27	25	92.59	7.41	12.00

Kết quả khảo thí CAASPP năm 2023-24 môn Toán theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn Toán theo nhóm học sinh cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Kết quả kiểm tra môn Toán bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Lưu ý: Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

(CAASPP) Nhóm học sinh	(CAASPP) Tổng TUYỂN SINH	(CAASPP) Số được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm không được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn
Tất cả học sinh	157	155	98.73	1.27	25.81
Nữ	75	75	100.00	0.00	21.33
Nam	82	80	97.56	2.44	30.00
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0	0	0
Người gốc Á	39	39	100.00	0.00	35.90
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	--	--	--	--	--
Người gốc Philippines	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	95	93	97.89	2.11	17.20
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--	--
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--	--
Người Da Trắng	--	--	--	--	--
Người Học Tiếng Anh	52	52	100.00	0.00	9.62
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0	0	0	0	0
Học sinh vô gia cư	13	13	100.00	0.00	15.38
Quân đội	--	--	--	--	--
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	137	136	99.27	0.73	25.74
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	27	25	92.59	7.41	0.00

Kết quả khảo thí CAASPP môn Khoa học dành cho tất cả học sinh

Bảng này hiển thị tỷ lệ phần trăm tất cả học sinh lớp năm, lớp tám và trung đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn của Tiểu bang.

Kết quả kiểm tra môn Khoa học bao gồm CAST và CAA môn Khoa học. "Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn" được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong CAST cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA cho môn Khoa học chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá môn khoa học.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

Môn học	Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24
Khoa Học (lớp 5, 8 và trung học)	12.07	19.15	37.69	35.46	30.29	30.73

Kết quả khảo thí CAASPP năm 2023-24 môn Khoa học theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP môn Khoa học theo nhóm học sinh lớp năm, lớp tám và trung học. Dấu gạch ngang kép (--) xuất hiện trong bảng khi số lượng học sinh từ mười trở xuống, có thể là do số lượng học sinh trong danh mục này quá ít để đảm bảo độ chính xác về mặt thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Nhóm học sinh	Tổng TUYỂN SINH	Số được khảo thí	Phần trăm được khảo thí	Phần trăm không được khảo thí	Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn
Tất cả học sinh	52	51	98.08	1.92	21.57
Nữ	25	25	100.00	0.00	20.00
Nam	27	26	96.30	3.70	23.08
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0	0	0
Người gốc Á	18	18	100.00	0.00	44.44
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	--	--	--	--	--
Người gốc Philippines	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	28	27	96.43	3.57	3.70
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--	--
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--	--
Người Da Trắng	--	--	--	--	--
Người Học Tiếng Anh	19	19	100.00	0.00	5.26
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0	0	0	0	0
Học sinh vô gia cư	--	--	--	--	--
Quân đội	0	0	0	0	0
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	46	46	100.00	0.00	19.57

Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	--	--	--	--	--

B. Kết quả học tập của học sinh Ưu tiên của Tiểu bang: Kết quả khác của học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Các kết quả khác của học sinh (Ưu tiên 8): Kết quả học tập của học sinh trong môn giáo dục thể chất.

Kết Quả Bài Kiểm Tra Thể Lực California 2023-24

Bảng này hiển thị tỷ lệ phần trăm tất cả học sinh lớp năm, lớp tám và trung đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn của Tiểu bang. Việc tổ chức khảo thí PFT chỉ yêu cầu kết quả tham gia của năm lĩnh vực thể lực này. Phần trăm không được tính toán và dấu gạch ngang kép (--) xuất hiện trong bảng khi số lượng học sinh được khảo thí từ mười trở xuống, có thể là do số lượng học sinh trong danh mục này quá ít để đảm bảo độ chính xác về mặt thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Khối lớp	Thành phần 1: Khả năng hiếu khí	Thành phần 2: Sức bền và Sức mạnh cơ bụng	Thành phần 3: Đuỗi thân, Sức mạnh và Độ dẻo dai	Thành phần 4: Sức mạnh và Sức bền của thân trên	Thành phần 5: Độ linh hoạt
Lớp 5	50%	50%	50%	50%	50%

C. Mức độ gắn kết

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của phụ huynh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của phụ huynh (Ưu tiên 3) Những nỗ lực của khu học chánh nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp của phụ huynh trong việc đưa ra quyết định liên quan đến khu học chánh và tại mỗi cơ sở trường học.

Cơ hội tham gia của phụ huynh năm 2024-25

Trường Tiểu Học Finley hiểu rõ về mối tương quan tích cực giữa sự tham gia của phụ huynh và cộng đồng với sự thành công của học sinh. Đội ngũ nhân viên Finley đánh giá cao sự tham gia của phụ huynh và thành viên cộng đồng. Phụ huynh được khuyến khích tham gia nhiều hoạt động, chương trình và tổ chức hỗ trợ học sinh cùng với giáo viên và thành viên ban lãnh đạo khu học chánh. Nhiều chương trình và hoạt động được thực hiện tốt hơn nhờ sự đóng góp hào phóng từ các nguồn sau: Hội Đồng Học Sinh, Hội Đồng Trường Học, Tình nguyện Viên từ Phụ Huynh và Cộng Đồng, và Hội Phụ Huynh Giáo Viên (PTA).

Trường Tiểu học Finley khuyến khích tất cả phụ huynh tham gia vào các hoạt động của trường. Các sự kiện thường niên như Bữa Trưa Trên Bãi Cỏ, Đêm Tụ Trường, Hội Nghị Phụ Huynh, Ngày Hội Mở và các sự kiện đặc biệt như Lễ Hội Mùa Thu, Đêm Văn Hóa Gia Đình, Ngày STEAM và Ngày Quốc Tế được thiết kế để chào đón phụ huynh, tôn vinh các gia đình và di sản phong phú của họ, khởi động các sáng kiến trên toàn trường đồng thời thu thập ý kiến đóng góp và trả lời các câu hỏi. Trường cũng có Hội Phụ Huynh Giáo Viên (PTA) hoạt động tích cực và phát hành bản tin để cung cấp cho phụ huynh thông tin cập nhật về các sáng kiến, mục tiêu, thành tích và những phát triển gần đây của trường. Phụ huynh được khuyến khích đặt lịch hẹn với giáo viên của con mình trước khi lên lịch hẹn với hiệu trưởng. Chúng tôi cũng tạo cơ hội giáo dục cho các gia đình bằng cách tham gia chương trình Parenting Partners và School Smarts.

Sự tham gia của phụ huynh là một phần không thể thiếu trong chương trình của trường. Chúng tôi tổ chức các hội thảo, buổi giới thiệu và giáo dục cho phụ huynh.

Vắng mặt thường xuyên năm 2023-24 theo nhóm học sinh

Nhóm học sinh	Ghi danh tích lũy	Tuyển sinh đủ điều kiện vắng mặt thường xuyên	Số lượng vắng mặt thường xuyên	Tỷ lệ vắng mặt thường xuyên
Tất cả học sinh	347	338	51	15.1
Nữ	159	155	21	13.5
Nam	188	183	30	16.4
Phi nhị giới	--	--	--	--
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--
Người gốc Á	85	83	15	18.1
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	--	--	--	--
Người gốc Philippines	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	220	214	32	15.0
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--
Người Da Trắng	16	16	1	6.3
Người Học Tiếng Anh	147	141	22	15.6
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	--	--	--	--
Học sinh vô gia cư	32	32	4	12.5
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	291	283	47	16.6
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	58	58	14	24.1

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

C. Mức độ gắn kết

Ưu tiên của Tiểu bang: Môi Trường Học Đường

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Môi trường học đường (Ưu tiên 6)

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ học tập;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các thước đo địa phương khác về cảm giác an toàn

Tỷ lệ đình chỉ và đuổi học

Bảng này hiển thị dữ liệu đình chỉ và đuổi học.

Đánh giá	Trường học 2021-22	Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Khu học chánh 2021-22	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24
Đình chỉ	0.3	1.67	1.73	3.58	3.83	2.23	3.17	3.6	3.28
Đuổi học	0	0	0	0	0	0	0.07	0.08	0.07

Tỷ lệ đình chỉ và đuổi học theo nhóm học sinh năm 2023-24

Nhóm học sinh	Tỷ lệ đình chỉ	Tỷ lệ đuổi học
Tất cả học sinh	1.73	0.00
Nữ	0.63	0.00
Nam	2.66	0.00
Phi nhị giới	0.00	0.00
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.00	0.00
Người gốc Á	2.35	0.00
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	0.00	0.00
Người gốc Philippines	0.00	0.00
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	1.36	0.00
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0.00	0.00
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	0.00	0.00
Người Da Trắng	6.25	0.00
Người Học Tiếng Anh	1.36	0.00
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0.00	0.00
Học sinh vô gia cư	3.13	0.00
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	1.72	0.00
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0.00	0.00
Học sinh khuyết tật	6.90	0.00

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số 0 trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Kế Hoạch An Toàn Trường Học 2024-25

Trường Tiểu Học Finley mang đến khuôn viên trường an toàn và bảo mật cho học sinh, nhân viên và khách thăm. Trường được xây dựng từ năm 1958, cung cấp cơ sở vật chất hiện đại cùng không gian đầy đủ cho học sinh và nhân viên. Trường Tiểu Học Finley bao gồm khu mẫu

Kế Hoạch An Toàn Trường Học 2024-25

giáo, trung tâm truyền thông thư viện, Phòng Thí Nghiệm Đổi Mới dành cho Khối Lớp Trên, Phòng Thí Nghiệm Đổi Mới dành cho Khối Lớp Dưới, phòng đa năng lớn và 24 phòng học. Trường còn có sân chơi rộng rãi với xích đu, cầu trượt, xà ngang và sân cỏ để chạy nhảy, chơi thể thao và trò chơi.

Kế Hoạch An Toàn Trường Học Toàn Diện của Trường Tiểu Học Finley được rà soát hàng năm để đảm bảo việc bảo vệ cho học sinh và nhân viên, trường học và tài sản của trường, đồng thời xây dựng môi trường thuận lợi cho hoạt động học tập. Tất cả nhân viên đều có bản sao kế hoạch này và tham dự các buổi tập huấn hàng năm về chính sách an toàn trường học. Học sinh tham gia học tập trực tiếp sẽ được các nhân viên và giáo viên chuyên trách giám sát suốt cả ngày.

Ngoài ra, các cuộc diễn tập phòng ngừa động đất, cứu hỏa, đối phó với kẻ xâm nhập và diễn tập trú ẩn tại chỗ cũng được tổ chức thường xuyên. Hàng năm, giáo viên được đào tạo về các quy trình đối phó với kẻ xâm nhập. Trong trường hợp khẩn cấp, Kế Hoạch Ứng Phó Thảm Họa của trường đã xác định rõ các quy trình ứng phó với khủng hoảng và nguồn vật tư khẩn cấp được chuẩn bị sẵn sàng.

Kế hoạch an toàn năm học 2024-2025 đã được xem xét và phê duyệt vào ngày 19 tháng 12 năm 2024.

D. Thông tin SARC khác

Thông tin bắt buộc trong SARC

Thông tin trong phần này phải có trong SARC nhưng không được đưa vào danh sách ưu tiên của tiểu bang cho LCFF.

Quy mô lớp học trung bình cho bậc tiểu học và Phân bố quy mô lớp học năm 2021-22

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bố quy mô lớp học năm 2021-22. Các cột có tiêu đề "Số lớp" cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi lớp). Thẻ loại "Khác" dành cho các lớp có nhiều trình độ.

Khối lớp	Trung bình Quy mô lớp học	Số lượng lớp học với 1-20 học sinh	Số lượng lớp học với 21-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh
K	18	3		
1	18	2		
2	27		2	
3	21	1	1	
4	23		2	
5	24		2	
Khác	13	3		

Quy mô lớp học trung bình cho bậc tiểu học và Phân bố quy mô lớp học năm 2022-23

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bố quy mô lớp học năm 2021-22. Các cột có tiêu đề "Số lớp" cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi lớp). Thể loại "Khác" dành cho các lớp có nhiều trình độ.

Khối lớp	Quy mô lớp học trung bình	Số lượng lớp học với 1-20 học sinh	Số lượng lớp học với 21-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh
K	18	4		
1	24		2	
2	18	2		
3	29		2	
4	28		2	
5	30		2	
Khác	11	2		

Quy mô lớp học trung bình cho bậc tiểu học và Phân bố quy mô lớp học năm 2023-24

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bố quy mô lớp học năm 2023-24. Các cột có tiêu đề "Số lớp" cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi lớp). Thể loại "Khác" dành cho các lớp có nhiều trình độ.

Khối lớp	Trung bình Quy mô lớp học	Số lượng lớp học với 1-20 học sinh	Số lượng lớp học với 21-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh
K	25		1	
1	27		1	
2	28		1	
3	29		1	
4	29		2	
5	23		2	
Khác	19	2	2	

Tỷ lệ Học sinh so với Cố vấn học tập năm 2023-24

Bảng này hiển thị tỷ lệ học sinh so với Cố vấn học thuật. Một Tương đương toàn thời gian (FTE) tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian.

Chức danh	Tỷ lệ
Học sinh so với Cố vấn học tập	1615

Nhân viên Dịch Vụ Hỗ Trợ Học Sinh năm 2023-24

Bảng này hiển thị số lượng nhân viên hỗ trợ FTE được phân công cho trường này. Một Tương đương toàn thời gian (FTE) tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Danh mục "Khác" dành cho tất cả các vị trí nhân viên dịch vụ hỗ trợ học sinh khác không được liệt kê.

Chức danh	Số lượng FTE được phân công cho trường
Cố vấn (Phát triển học thuật, xã hội/hành vi hoặc nghề nghiệp)	1.2
Giáo viên truyền thông thư viện (Thủ thư)	
Nhân viên dịch vụ truyền thông thư viện (Hỗ trợ)	
Chuyên gia tâm lý	0.5
Nhân viên xã hội	
Y tá	
Chuyên gia về phát âm/ngôn ngữ/thính giác	
Chuyên gia nguồn lực (không giảng dạy)	
Khác	

Chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên tại trường trong năm tài chính 2022-23

Bảng này hiển thị chi phí cho mỗi học sinh và mức lương giáo viên trung bình của trường này trong năm 2022-23. Các ô có giá trị Không áp dụng không yêu cầu dữ liệu.

Cấp độ	Tổng Chi tiêu Mỗi học sinh	Chi tiêu Mỗi học sinh (Hạn chế)	Chi tiêu Mỗi học sinh (Không hạn chế)	Quy mô Giáo Viên Lương
Trường	\$ 22,029.09	\$ 10,523.59	\$ 11,505.50	\$ 109,936.00
Khu học chánh	Không áp dụng	Không áp dụng	\$ 10,604.71	\$ 110,397.00
Phần trăm chênh lệch - Điểm trường và Khu học chánh	Không áp dụng	Không áp dụng	7.8%	-0.4%
Tiểu bang	Không áp dụng	Không áp dụng	\$ 10,770.62	\$ 96,325.00
Phần trăm chênh lệch - Điểm trường và Tiểu bang	Không áp dụng	Không áp dụng	6.4%	12.4%

Các loại dịch vụ được cấp kinh phí trong năm tài chính 2023-24

- Liên Bang, ECIA/ESEA/IASA
- Liên Bang, Giáo Dục Đặc Biệt, Quyền theo UDC
- Liên Bang, Giáo Dục Đặc Biệt, Các khoản tài trợ tự quyết định
- Liên Bang, Nguồn quỹ từ thuốc/rượu/thuốc lá
- Liên Bang, Hợp đồng liên ngành
- Kế Hoạch Tổng Thể về Giáo Dục Đặc Biệt - Năm hiện tại
- Danh Mục Kinh Phí Tự Chủ của Địa Phương
- Phương Tiện Đưa Đón Giáo Dục Đặc Biệt
- Các Khoản Tài Trợ Hỗ Trợ Công Nghệ Giáo Dục
- Khoản Tài Trợ McKinney-Vento

Lương giáo viên và ban giám hiệu trong năm tài chính 2022-23

Bảng này hiển thị mức lương của Giáo viên và Ban giám hiệu trong năm 2022-23. Để biết thông tin chi tiết về mức lương, vui lòng tham khảo trang web Lương và Phúc lợi Chứng nhận CDE tại địa chỉ <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Danh mục	Khu học chánh Số tiền	Trung bình của tiểu bang cho các Khu học chánh trong cùng một Danh mục
Lương giáo viên mới	\$51,674	\$58,553
Lương giáo viên có thâm niên trung bình	\$95,047	\$93,924
Mức lương giáo viên cao nhất	\$131,194	\$119,489
Mức lương hiệu trưởng trung bình (Tiểu học)	\$134,527	\$149,898
Mức lương hiệu trưởng trung bình (Sơ trung)	\$134,527	\$157,111
Mức lương hiệu trưởng trung bình (Trung học)	\$0	\$151,698
Lương giám đốc	\$277,355	\$270,432
Phần trăm ngân sách dành cho Lương giáo viên	37.96	31.93
Phần trăm ngân sách dành cho lương của Ban giám hiệu	4.28	5.62

Phát triển Chuyên môn

Mỗi năm có ba ngày phát triển chuyên môn cho đội ngũ nhân viên khu học chánh, được phân loại và cấp chứng chỉ. Các chủ đề trong những ngày này được xác định theo các lĩnh vực trọng tâm cấp khu học chánh như an toàn, phê chuẩn chương trình giảng dạy và các biện pháp hỗ trợ giảng dạy cũng như ý kiến đóng góp từ đội ngũ nhân viên cho các buổi "lên tiếng và lựa chọn" phù hợp với các nhu cầu cụ thể như hỗ trợ xã hội-cảm xúc và kết quả đánh giá nhân viên. Ngoài ra, khu học chánh còn dành thời gian nghỉ hằng tháng cho các nhóm chuyên môn cùng nhau làm việc và học tập. Nhân viên được cấp chứng chỉ cũng tham gia chương trình phát triển chuyên môn hai lần một tháng vào Thứ Tư thông qua cộng đồng học tập chuyên môn theo nhóm hoặc các buổi đào tạo chuyên môn nhắm mục tiêu. Các chuyên gia hỗ trợ giảng dạy cung cấp chương trình hướng dẫn trong lớp học và phát triển chuyên môn diễn ra liên tục trong suốt cả năm. Nhân viên cũng tham dự các hội nghị và khóa đào tạo bên ngoài do điểm trường xác định như các biện pháp can thiệp và hỗ trợ hành vi, đào tạo và hội nghị về AVID, phát triển chuyên môn về kỹ năng đọc và viết, hội nghị công nghệ và hội nghị GATE.

Ngoài ra, nhân viên còn tham gia chương trình phát triển chuyên môn về Giảng Dạy Định Hướng Nhận Thức.

Bảng này hiển thị số ngày học dành riêng cho phát triển nhân viên và cải tiến liên tục.

Môn học	2022-23	2023-24	2024-25
Số ngày học dành cho Phát triển nhân viên và Cải tiến liên tục	6	5	3